TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

2. Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Khu phố X, phường Phú H, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Khu phố Bình Q, phường Bình C, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố X, phường Phú H, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Trần Thị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt trình bày:

Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 30/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 khi cháu đầu được khoảng 01 tuổi hai vợ chồng mâu thuẫn sống không hạnh phúc, từ năm 2019 hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên lớn tiếng, cãi vã, không hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đoàn tụ được nên Bà L đã dọn ra ở riêng tại địa chỉ: Khu phố Bình Q, phường Bình C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình

Dương, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Nhật V, sinh ngày 08/3/2013 và Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000. Sau khi ly hôn, bà L đồng ý giao cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Nhật V. Đối với cháu Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L không cấp dưỡng nuôi con, vì từ khi ly thân đến nay 02 con vẫn đang ở với ông H và bà L vẫn thường xuyên về nhà để chăm sóc nấu cho con ăn và đưa đón con đi học.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Bản sao Căn cước công dân bà L ông H, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con; bản photo sổ tạm trú.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2023, quá trình tố tụng bị đơn ông Vũ Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt trình bày:

Ông H thống nhất thời gian, địa điểm chung sống, đăng ký kết hôn như trình bày của Bà L.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên đi làm xa, Bà L bán hàng đồ ăn ngoài đường nên có quan hệ với người đàn ông khác và chơi bời cờ bạc. Nên hai vợ chồng không thường xuyên nói chuyện với nhau và Bà L nói không hợp với công việc của ông H vì ông H làm quản lý công ty. Đến cuối năm 2022 Bà L tự động dọn ra khỏi nhà nên vợ chồng ly thân đến nay, ông H có gọi điện cho Bà L để khuyên bảo động viên Bà L về nhà chung sống nhưng Bà L không về. Việc hai vợ chồng ly thân dẫn đến Bà L yêu cầu ly hôn là do Bà L có người đàn ông khác bên ngoài. Ông H xác định còn yêu thương vợ và muốn Bà L quay về để đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc con cái. Do đó, đối với yêu cầu ly hôn của Bà L thì ông H không đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Nhật V, sinh ngày 08/3/2013 và Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Vũ Nhật V theo yêu cầu của Bà L. Đối với con chung tên Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì hiện nay 02 con chung đang do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Bà L cũng thường xuyên về nhà để đưa đón con đi học và nấu nướng cho con ăn. Ông H không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H xác định không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: Không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Trần Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Vũ Văn H hiện đang cư trú tại phường Phú H, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương nên quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Vũ Văn H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà L và ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Vũ Văn H quen biết, tự tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 30/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì hai người phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa Bà L và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà L và ông H đều xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tính tình thay đổi, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên lớn tiếng, cãi vã khiến cho cuộc sống không hạnh phúc. Ông H nghi ngờ Bà L không chung thủy có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến yêu cầu ly hôn. Các đương sự thừa nhận, hiện vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà L có về nhà nhưng mục đích chỉ là để chăm sóc con cái không phải vì ông H. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ để cùng chung sống hạnh phúc nuôi dạy con cái nhưng không thành. Bà L kiên quyết ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa Bà L ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L với ông Vũ Văn H.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Vũ Văn H có 02 người con chung tên Vũ Nhật V, sinh ngày 08/3/2013 và Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000. Sau khi ly hôn, Bà L tự nguyện giao cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Vũ Nhật V, Bà L không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng, ông H cũng

xác định trường hợp Tòa án cho ly hôn thì đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Nhật V theo ý kiến của Bà L và không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, theo nguyện vọng của cháu Vũ Nhật Vy mong muốn được sống chung với ông H trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cho cha mẹ. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, giao cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Vũ Nhật V, sinh ngày sinh ngày 08/3/2013, ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Vũ Trường V, sinh ngày 30/10/2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Vũ Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn ông Vũ Văn H.

- Về con chung: Giao cho ông Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Vũ Nhật Vy, sinh ngày 08/3/2013.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn H về việc không yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con và người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003195 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Cảnh Khang